TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BÌNH LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 01 năm 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Thị Yến;

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Minh và bà Nông Thị Giới;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 01 năm 2021, Toà án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 53/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Phước H, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1B, xã LT, huyện LN, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Trần Đức L, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 3 khu phố Phú Trọng, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phước H trình bày:

Chị và anh Trần Đức L sau thời gian tìm hiểu, đã tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 4 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật. Việc kết hôn là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 9 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2017 anh Đức L vi phạm pháp luật và đang chấp hành

án tại Trại giam CC, tỉnh Tây Ninh. Chị thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên muốn ly hôn với anh Trần Đức L.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung tên Trần Khánh N, sinh ngày 06/8/2012. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu anh Trần Đức L cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Về nợ chung và tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Đức L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Phước H sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường PĐ, thị xã Bình Long vào ngày 21 tháng 4 năm 2011 theo đúng quy định pháp luật. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nay chị Phước H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Anh đồng ý giao con chung tên Trần Khánh N cho chị Phước H trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và anh không cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Về nợ chung và tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Anh xin được xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ ý kiến trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa và thông qua nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phước H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 do chị Nguyễn Thị Phước H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Đức L.

Anh Trần Đức L đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ tổ 3 khu phố PT, phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Anh Trần Đức L xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phước H, anh Trần Đức L đăng ký kết hôn vào ngày 21 tháng 4 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường PĐ, thị xã BL, tỉnh Bình Phước theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của chị Nguyễn Thị Phước H, anh Trần Đức L là hợp pháp.

Chị Phước H thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn anh Đức L. Tại bản tự khai ngày 09 tháng 12 năm 2020, anh Đức L đồng ý ly hôn chị Phước H. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phước H.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Phước H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trần Khánh N sau khi ly hôn. Anh Đức L đồng ý giao con chung cho chị Phước H trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phước H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 232, Điều 266, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Phước H được ly hôn với anh Trần Đức L.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Khánh N, sinh ngày 06/8/2012 cho chị Nguyễn Thị Phước H trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Các đương sự được thực hiện quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Phước H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp

theo biên lai thu tiền số 0001639 ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương và nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Bình Long;
- Chi cục THADS thị xã Bình Long;
- UBND;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Biện **Nguyễn Minh Đức** **Trần Thị Yến**